

Bản án số: 224/2019/DS-PT

Ngày: 16-7-2019

V/v tranh chấp quyền sử
dụng đất;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Mỹ

Bà Nguyễn Thị Vĩnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Nguyễn Ngọc Trang- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 về “*Tranh chấp về dân sự - quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST, ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 230/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 365, ấp H, xã L, huyện L, Tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Hoàng Â, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 365, ấp H, xã L, huyện L, Tỉnh Đồng Tháp;

Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng T - là luật sư của Văn phòng luật sư Hồng Thanh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp;

- *Bị đơn:* Trần Văn C, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Số 365A, ấp H, xã L, huyện L, Tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Trần Văn C1, sinh năm 1937;

2/ Ông Nguyễn Hoàng Â, sinh năm 1971;

3/ Ông Trần Văn R, sinh năm 1965;

Cùng địa chỉ: Số 365, ấp H, xã L, huyện L, Tỉnh Đồng Tháp

4/ Bà Trần Thị Thu N, sinh năm

Địa chỉ: Số 365A, ấp H, xã L, huyện L, Tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn bà Trần Thị H; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông C1; ông R có ông Nguyễn Hoàng Á là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào năm 1992, ông Trần Văn C1 có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 286a, tờ bản đồ số 9a, nguồn gốc đất là của ông bà để lại, ông C1 sử dụng đến năm 2000 thì ông C1 có cho ông C diện tích 60m² thuộc một phần của thửa đất số 286a để sử dụng cất nhà ở, tuy nhiên lúc cho không làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất, sau khi được cho đất thì ông C sử dụng cất nhà ở. Đến năm 2005 ông C1 làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị M toàn bộ thửa đất số 286a, tờ bản đồ số 9a để bà Mai thế chấp vay tiền N hàng, thực tế bà M không sử dụng đất mà ông C1 là người sử dụng đất. Sau khi bà M trả tiền N hàng xong, đến năm 2009 thì bà M làm thủ tục chuyển nhượng lại thửa đất số 286a cho ông C1 đứng tên quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng đất ông C lấn chiếm thêm phần đất của ông C1, nên cũng vào năm 2009 ông C1 khởi kiện tranh chấp tại Ban nhân dân ấp H, tại biên bản hòa giải ngày 21/11/2009 ông C1 và ông C thống nhất với nhau là ông C1 cho thêm ông C 199,2m². Tổng cộng hai lần cho diện tích 259,2m², đến năm 2010 thì ông C1 làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Trần Thị H đứng tên quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất số 286a, tờ bản đồ 9a, trong đó có phần đất 259,2m² của ông C. Trong quá trình sử dụng đất từ năm 2009 đến nay ông C lấn chiếm thêm phần đất của bà H theo như đo đạc của Tòa án là 53,2m² (M2, M3, M8, M9). Nay bà H đồng ý tách quyền sử dụng phần diện tích 254,9m² cho ông C đứng tên và bà H yêu cầu ông C đốn bỏ hoặc di dời các cây trồng trả lại cho bà H phần đất lấn chiếm là 53,2m² (M2, M3, M8, M9) thuộc một phần của thửa đất số 286a, tờ bản đồ số 38 đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Nay bà Trần Thị H xin rút phần yêu cầu ông C trả lại tiền san lấp mặt bằng 3.600.000 đồng.

Bà H, ông Á, ông C1, ông R thống nhất giá trị phần đất tranh chấp và cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo biên bản định giá ngày 29/6/2017 của Hội đồng định giá huyện L.

2. Bị đơn ông Trần Văn C trình bày:

Hộ anh C đang quản lý, sử dụng diện tích đất theo đo đạc của Tòa án là 308,1m² (Bao gồm 53,2 m² (M2,M3,M8,M9), 152,4m² (M4,M5,M6,M7), 102,50m² (M3, M4, M7, M8) theo sơ đồ đo đạc ngày 16/7/2018) thuộc một phần của thửa đất số 286a, tờ bản đồ số 9a, tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc phần đất này là của cha anh C là ông Trần Văn C1 tặng cho anh C (Vào năm 1990 cho 60m², đến năm 2009 cho thêm 248,1m²) khi cho không làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất, nhưng sau đó không biết lý do gì ông C1 đã làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất số 286a cho bà H đứng

tên quyền sử dụng đất trong đó có phần đất 308,1m² ông C1 cho anh C. Phần đất 308,1m² ông C quản lý, sử dụng ổn định đúng vị trí mà ông C1 đã tặng cho ông C từ đó đến nay, không có lần chiếm phần đất diện tích 53,2m² (M2, M3, M8, M9) như bà H trình bày nên không đồng ý trả lại đất theo như yêu cầu của bà H. Yêu cầu bà H trả lại cho anh C phần đất diện tích 308,1m² ông C1 đã cho ông C.

Trên phần đất 53,2m² (M2, M3, M8, M9) ông C có trồng 05 cây cau loại A, 02 cây xoài loại A, 06 cây dừa loại A, 02 cây cóc loại A, 01 cây ô môi loại A, 01 cây gòn đường kính 40cm.

Ông C thống nhất giá trị phần đất tranh chấp và cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo biên bản định giá ngày 29/6/2017 của Hội đồng định giá huyện L.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu N trình bày:* Thống nhất với phần trình bày và yêu cầu của ông C và thống nhất giá trị phần đất tranh chấp và cây trồng, vật kiến trúc trên đất theo biên bản định giá ngày 29/6/2017.

4. *Tòa án cấp sơ thẩm tuyên:*

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với hộ ông Trần Văn C.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Trần Thị H.

Hộ ông Trần Văn C, bà Trần Thị Thu N được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 308,1m² (M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9) đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần của thửa đất số 286a, tờ bản đồ 9a, tọa lạc ấp H, xã L, huyện L, Đồng Tháp.

Buộc bà Trần Thị H trả lại cho ông Trần Văn C, bà Trần Thị Thu N 308,1m² (M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9) đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần của thửa đất số 286a, tờ bản đồ 9a, tọa lạc ấp H, xã L, huyện L, Đồng Tháp.

- Đề nghị UBND huyện L, tỉnh Đ thu hồi phần đất theo như đo đạc thực tế có diện tích là 308,1m² đất trồng cây lâu năm (M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9) thuộc một phần của thửa đất số 286a, tờ bản đồ 9a, tọa lạc ấp H, xã L, huyện L, Đồng Tháp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 396355, cấp ngày 09/4/2010 do bà Trần Thị H đứng tên để cấp lại cho hộ ông Trần Văn C, bà Trần Thị Thu N.

(Tư cận, mốc gửi, diện tích 308,1m² đất trồng cây lâu năm (M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9) có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/7/2018 và sơ đồ đo đạc thực tế phần đất tranh chấp ngày 16/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện L kèm theo).

- Ông Trần Văn C, bà Trần Thị Thu N phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối diện tích là 308,1m² (M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9) đất trồng cây lâu năm thuộc một phần của thửa đất số 286a, tờ bản đồ 9a, tọa lạc ấp H, xã L, huyện L, Đồng Tháp.

- Đình xét xử đối với yêu cầu của bà Trần Thị H về việc yêu cầu ông Trần Văn C trả lại tiền san lấp mặt bằng là 3.600.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, các chi phí tố tụng khác và tuyên về thời hạn kháng cáo.

5. Sau khi xét xử sơ thẩm, bà H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu hộ ông C trả lại phần diện tích lấn chiếm 53,2m² thuộc một phần thửa 286a, tờ bản đồ số 9a; đồng thời yêu cầu hộ ông C trả giá trị 199,2m² cho bà H tương đương số tiền 19.000.000 đồng đối với thửa 286a, tờ bản đồ số 9a, đất tọa lạc tại ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do bà H đứng tên QSD đất.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; thay đổi một phần nội dung kháng cáo; bà H chỉ yêu cầu hộ ông C trả lại diện tích lấn chiếm là 53,2m² thuộc một phần thửa 286a, tờ bản đồ 9a.

- Người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày và đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H; sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án huyện L;

- Bị đơn không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và lời đề nghị của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên nội dung quyết định bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H đối với bị đơn ông Trần Văn C nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp quyền sử dụng đất là phù hợp với quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Phần đất các bên đang có tranh chấp tọa lạc tại xã L, Huyện L nên Tòa án huyện L thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc ông C giao trả lại diện tích lấn chiếm là 53,2m² thuộc phạm vi các mốc (M2, M3, M8, M9, M2);

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- *Về nguồn gốc:* Nguyên đơn, bị đơn đều xác định nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của ông Trần Văn C1 (cha của nguyên đơn và bị đơn) tạo lập mà có; Trong quá trình quản lý, sử dụng ông C1 đã được cấp quyền sử dụng đất vào năm 1992; đến năm 2000 thì ông C1 tặng cho ông C một phần diện tích đất nhưng C1 làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Đến năm 2005 ông C1 làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 286a, tờ bản đồ 9a cho bà Trần Thị M, trong đó có phần đất ông C1 đã tặng cho ông C. Mặc dù ông C1 chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho bà M nhưng đất là do ông C1 và một phần do ông C quản lý, sử dụng. Đến năm 2009 bà M làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất lại cho ông C1 và cũng trong thời gian này bên ông C đã sử dụng phần đất có vị trí nhiều hơn so với phần đất vào năm 2000 mà ông C1 đã cho nên có phát sinh tranh chấp; tại biên bản hòa giải của Ban nhân dân ấp vào năm 2009 ông C1 thống nhất cho ông C diện tích đất có chiều ngang 13,5m chiều dài 19,5m, diện tích 259,2m² nhưng không có đo đạc cụ thể. Đến năm 2010 ông C1 tiếp tục làm thủ tục chuyển nhượng toàn bộ thửa đất 286a cho bà Trần Thị H, có cả phần diện tích ông C1 đã thống nhất cho ông C. Vì vậy, nay bà H đã phát sinh tranh chấp với ông C.

- *Về diện tích:* Tại phiên tòa phúc thẩm bà H xác định chỉ tranh chấp với ông C, bà N (vợ ông C) phần đất có diện tích 53,2m² thuộc phạm vi các mốc (M2, M3, M8, M9, M2); thuộc một phần thửa 286a; tờ bản đồ 9a hiện do nguyên đơn đứng tên quyền sử dụng đất. Yêu cầu bên ông C di dời toàn bộ cây trồng để trả lại đất.

Tuy nhiên, theo đo đạc thực tế, diện tích mà bên ông C hiện đang quản lý, sử dụng có diện tích là 308,1m² thuộc phạm vi các mốc (M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M2) loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần thửa đất số 286a, tờ bản đồ 9a, đất tọa lạc ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Như vậy, trong phần diện tích mà bên ông C sử dụng, bà H đồng ý giao cho bên ông C tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích 259,4m². Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà H, phù hợp pháp luật và phù hợp với thực tế sử dụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà H.

- *Về hiện trạng sử dụng đất:* Đối với phần diện tích còn lại là 53,2m², mặc dù bên bị đơn là ông C không có chứng cứ rõ ràng về việc cha ông là ông C1 cho ông toàn bộ diện tích đất như hiện trạng sử dụng nhưng đã có đủ cơ sở để xác định ông C1 cho ông C sử dụng phần đất có bề ngang là 13,5m; Bên cạnh đó, căn cứ vào lời khai của những người làm chứng, người giáp ranh thì khi xác định phần đất ông C1 cho ông C tại vị trí giáp ranh với ông A là nửa nương (con nương do 02 bên xác định là 3m); sau đó, bên ông C được bên ông A cho thêm ½ con nương để ông C lấp đất sử dụng nên diện tích bề ngang hiện nay của ông C có tăng hơn so với diện tích bề ngang ông C1 cho cũng là phù hợp. Đồng thời, vào năm 2016 khi ông C và bên bà H phát sinh tranh chấp phần lối đi ra đường Vàm Đình thì khi đo đạc thực tế phần đất sử dụng của hai bên tại thửa 286a thì cũng đã xác định chiều ngang phần đất của ông C đang sử dụng bằng với chiều ngang phần đất đang có tranh chấp hiện nay.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Xét lời trình bày và đề nghị của người tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét lời trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H nên bà H phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Các nội dung còn lại của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 203 Luật đất đai; Điều 48 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị H;
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST, ngày 22 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L;

* Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất đối với hộ ông Trần Văn C.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn C về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Trần Thị H.

Hộ ông Trần Văn C, bà Trần Thị Thu N được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 308,1m² (M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M2) đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần của thửa đất số 286a, tờ bản đồ 9a, tọa lạc ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Buộc bà Trần Thị H giao quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn C, bà Trần Thị Thu N phần diện tích là 308,1m² (M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M2) đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần của thửa đất số 286a, tờ bản đồ 9a, tọa lạc ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đề nghị UBND huyện L, tỉnh Đồng Tháp thu hồi phần đất theo như đo đạc thực tế có diện tích là 308,1m² đất trồng cây lâu năm (M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M2) thuộc một phần của thửa đất số 286a, tờ bản đồ 9a, tọa lạc ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 396355, cấp ngày 09/4/2010 do bà Trần Thị H đứng tên để cấp lại cho hộ ông Trần Văn C, bà Trần Thị Thu N.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/7/2018 và sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 16/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện L).

- Ông Trần Văn C, bà Trần Thị Thu N phải đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với diện tích là 308,1m² (M2, M3, M4, M5, M6, M7, M8, M9, M2) đất trồng cây lâu năm thuộc một phần của thửa đất số 286a, tờ bản đồ 9a, tọa lạc ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đình xét xử đối với yêu cầu của bà Trần Thị H về việc yêu cầu ông Trần Văn C trả lại tiền san lấp mặt bằng là 3.600.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trần Thị H nộp 1.540.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị H đã nộp là 500.000 đồng theo biên lai số 10340 ngày 29/3/2017 và biên lai số 08856, ngày 28/11/2016 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện L. Như vậy, bà H còn phải nộp tiếp số tiền là 1.040.000 đồng.

Ông Trần Văn C được nhận 770.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0003038, ngày 17/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

- Về chi phí đo đạc, định giá:

Bà Trần Thị H phải chịu 2.534.000 đồng, số tiền này bà Trần Thị H đã nộp và đã chi xong, bà H không phải nộp thêm.

3. Về án phí án phí phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của bà H không được chấp nhận nên bà H phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007097, ngày 04/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND H. L;
- Chi cục THADS H. L;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Võ Trinh